

Phiếu Bài Tập Toán Lớp 5

Ôn Tập Về Số Tự Nhiên, Phân Số Và Số Thập Phân

Họ và tên: _____ Lớp: _____ Ngày: _____

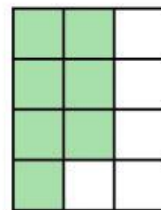
A. TRẮC NGHIỆM (5 điểm)

Câu 1: Hỗn số “Mười và chín phần hai mươi ba” được viết là: (0.5 điểm)

- A. $10 \frac{9}{23}$ B. $9 \frac{10}{23}$ C. $10 \frac{23}{10}$ D. $9 \frac{23}{10}$

Câu 2: Tỷ số của phần đã tô màu và phần chưa tô màu của hình dưới là: (0.5 điểm)

- A. $\frac{7}{12}$ B. $\frac{5}{7}$ C. $\frac{7}{5}$ D. $\frac{5}{12}$



Câu 3: Trong những phân số sau, phân số nào bé hơn 1. (0.5 điểm)

- A. $\frac{189}{188}$ B. $\frac{8}{9}$ C. $\frac{2024}{2024}$ D. $\frac{3}{2}$



Câu 4: Làm tròn số 15,2375 đến hàng phần nghìn ta được: (0.5 điểm)

- A. 15,237 B. 15,238 C. 15,24 D. 15,23

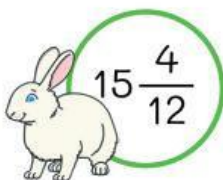
Câu 5: Đâu không phải là một phân số? (0.5 điểm)

- A. $\frac{0}{5}$ B. $\frac{26}{0}$ C. $\frac{7}{8}$ D. $\frac{9}{20}$

Câu 6: Làm tròn số thập phân 24,037 đến hàng phần mười ta được: (0.5 điểm)

- A. 24,0 B. 24,1 C. 24,2 D. 24,3

Câu 7: Hỗn số dưới đây sau khi chuyển thành phân số ta được: (0.5 điểm)



- A. $\frac{8}{3}$ B. $\frac{11}{3}$ C. $\frac{7}{3}$ D. $\frac{46}{3}$

Câu 8: Trong các phân số: $\frac{14}{15}$; $\frac{15}{16}$; $\frac{16}{17}$; $\frac{17}{18}$

i. Phân số lớn nhất là: (0. 25 điểm)

- A. $\frac{14}{15}$ B. $\frac{15}{16}$ C. $\frac{16}{17}$ D. $\frac{17}{18}$



ii. Phân số bé nhất là: (0. 25 điểm)

A. $\frac{14}{15}$

B. $\frac{15}{16}$

C. $\frac{16}{17}$

D. $\frac{17}{18}$

Câu 9: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng. (0.5 điểm)



Phân số chỉ phần không tô đậm có trong hình là:

A. $\frac{7}{13}$

B. $\frac{7}{6}$

C. $\frac{6}{13}$

D. $\frac{6}{7}$

Câu 10: Lan có 30 quả bóng gồm các màu xanh, đỏ và vàng. Số bóng màu xanh là 6 quả, số bóng màu vàng là 15 quả, còn lại là số bóng màu đỏ. Vậy phân số chỉ số bóng màu đỏ là: (0.5 điểm)



A. $\frac{3}{10}$

B. $\frac{1}{5}$

C. $\frac{1}{2}$

D. $\frac{1}{4}$

B. TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu 1: Chiều cao, cân nặng chuẩn của trẻ 10 tuổi theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) như sau: (0.5 điểm)

	Chiều cao (cm)	Cân nặng (kg)
Trẻ trai	137,8	31,2
Trẻ gái	138,6	31,9



i. Em hãy làm tròn số đo chiều cao của trẻ gái trong bảng đến số tự nhiên gần nhất: _____cm

ii. Em hãy làm tròn số đo cân nặng của trẻ trai trong bảng đến số tự nhiên gần nhất: _____kg

Câu 2: (1 điểm)

i. Viết các thương sau dưới dạng phân số: (0.5 điểm)

$$8 : 15 = \frac{\quad}{\quad} \quad 7 : 3 = \frac{\quad}{\quad}$$

$$45 : 100 = \frac{\quad}{\quad} \quad 11 : 26 = \frac{\quad}{\quad}$$

ii. Cho hai số 5 và 7. Hãy viết các phân số sau: (0.5 điểm)

a. Nhỏ hơn 1: _____

b. Bằng 1: _____

c. Lớn hơn 1: _____

Câu 3: An có nhiều hơn Bình 12 quyển vở. Tìm số vở của An và Bình. Biết rằng số vở của An gấp 4 lần số vở của Bình. (2 điểm)

Bài làm

Câu 4: Một trại chăn nuôi có 6273 con gà và vịt. Biết rằng số gà bằng tích của số vịt nhân với số chẵn lớn nhất có một chữ số. Hỏi trại đó có bao nhiêu gà? (1.5 điểm)

Bài làm
